

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét bởi

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3 - 4
3	Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	9 - 10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	11 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Trường An trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30/06/2017.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần An Trường An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172 ngày 01 tháng 08 năm 2007 và thay đổi lần 8 ngày 03 tháng 09 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172 thay đổi lần 8 ngày 03 tháng 09 năm 2015, lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Trụ sở chính: Số 347 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Vốn điều lệ: 152.200.000.000 VND (Một trăm năm mươi hai tỷ, hai trăm triệu đồng)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo

Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Trương Đình Xuân	Chủ tịch HĐQT
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Mai Xuân	Thành viên HĐQT
Bà Trương Thị Thảo Nguyên	Thành viên HĐQT
Ông Trương Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Trương Đình Xuân	Tổng Giám đốc
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Công ty Cổ phần An Trường An

Số 347 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bình Định, ngày 20 tháng 07 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc





CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

Số : 231./2017/BCSX-BCTC/CPAHANOI

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần An Trường An**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần An Trường An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 07 năm 2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Trường An chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần An Trường An tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ định ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn người đọc báo cáo lưu ý đến các khoản tạm ứng tại ngày 30/06/2017 có giá trị 84.727.665.407 đồng (ghi nhận trên khoản phải thu ngắn hạn khác – mã số 136 trên Bảng cân đối kế toán). Theo giải trình của Ban Tổng Giám đốc công ty, đây là khoản tạm ứng để thực hiện dự án Titan Sơn Mỹ và dự án Thủy Sơn Trang. Hiện tại công ty đang thu hồi các khoản tạm ứng này theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2206/2017/NQ/ĐHĐCĐ-ATG ngày 22 tháng 6 năm 2017 để thực hiện Dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sơn Mỹ I, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận”.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần An Trường An cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Tại Báo cáo kiểm toán số 330/BCKT – TC/2017/AASCS ngày 12 tháng 04 năm 2017, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần An Trường An giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC TỈNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.405.886.942	169.683.220.512
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	107.666.088	103.082.447
1. Tiền	111		107.666.088	103.082.447
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.924.093.698	1.924.093.698
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	1.924.093.698	1.924.093.698
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.816.293.556	159.561.223.180
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	65.930.275.876	24.074.817.773
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.568.000.000	33.128.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	103.318.017.680	102.358.405.407
IV. Hàng tồn kho	140		-	7.372.116.060
1. Hàng tồn kho	141	V.6	-	7.372.116.060
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		557.833.600	722.705.127
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	543.593.745	722.705.127
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.239.855	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.452.280.620	37.182.836.945
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.814.511.405	1.933.565.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.814.511.405	1.933.565.933
<i>Nguyên giá</i>	222		4.005.171.397	4.005.171.397
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.190.659.992)	(2.071.605.464)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		35.637.769.215	35.249.271.012
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	35.637.769.215	35.249.271.012
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		224.858.167.562	206.866.057.457

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính:
VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		66.188.429.470	48.778.792.417
I.	Nợ ngắn hạn	310		60.188.429.470	42.778.792.417
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	44.833.264.101	19.313.670.764
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.100.000.000	12.275.272.163
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.051.980.016	5.029.241.475
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.572.445.353	1.860.608.015
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	6.630.740.000	4.300.000.000
II.	Nợ dài hạn	330		6.000.000.000	6.000.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	6.000.000.000	6.000.000.000
D	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.669.738.092	158.087.265.040
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	158.669.738.092	158.087.265.040
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.200.000.000	152.200.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.200.000.000	152.200.000.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		5.670.872.657	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		798.865.435	5.887.265.040
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		114.392.383	5.524.093.704
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		684.473.052	363.171.336
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		224.858.167.562	206.866.057.457

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Thị Cẩm Tú

Phan Thị Cẩm Tú

Trương Đình Xuân

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2017

Đơn vị tính: VND
Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm nay		Quý 2 Năm trước		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Quý 2 Năm trước	Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	41.192.758.523	5.025.000.000	48.451.733.853	8.479.454.545		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02							
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41.192.758.523	5.025.000.000	48.451.733.853	8.479.454.545		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.940.539.910		46.642.463.602	645.102.067		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.252.218.613	5.025.000.000	1.809.270.251	7.834.352.478		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.420		23.184	308.226		
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	81.589.135	408.956.218	221.339.135	1.431.053.283		
Trong đó: chi phí lãi vay	23		81.589.135	408.956.218	221.339.135	1.431.053.283		
8. Chi phí bán hàng	25							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	455.343.684	651.618.173	755.964.101	249.043.370		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		715.288.214	3.964.425.609	831.990.199	6.154.564.051		
11. Thu nhập khác	31	VI.6	23.601.115		23.601.116			
12. Chi phí khác	32							
13. Lợi nhuận khác	40		23.601.115	-	23.601.116			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		738.889.329	3.964.425.609	855.591.315	6.154.564.051		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	147.777.866	792.885.122	171.118.263	1.230.912.810		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		591.111.463	3.171.540.487	684.473.052	4.923.651.241		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	39	208	45	323		

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

Người lập biểu



Phan Thị Cẩm Tú

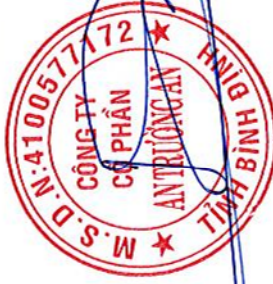
Kế toán trưởng



Phan Thị Cẩm Tú

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Giám đốc



Trương Đình Xuân

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		855.591.315	6.154.564.051
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		119.054.528	528.145.437
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.184)	(308.226)
- Chi phí lãi vay	06		221.339.135	1.430.987.283
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.195.961.794	8.113.388.545
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.269.310.231)	12.248.570.000
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.372.116.060	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.195.941.452	(1.583.418.181)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		179.111.382	
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(600.008.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.326.179.543)	18.178.532.031
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(16.363.636.364)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.184	308.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.184	(16.363.328.138)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.330.740.000	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.000.000.000)	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.330.740.000	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.583.641	1.215.203.893
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	103.082.447	562.133.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	107.666.088	1.777.337.413

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

Công ty Cổ phần An Trường An

Số 347 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2017

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu



Phan Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng



Phan Thị Cẩm Tú

Tổng Giám đốc



Trương Đình Xuân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần An Trường An (sau đây gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172 ngày 01 tháng 08 năm 2007 và thay đổi lần 8 ngày 03 tháng 09 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172 thay đổi lần 9 ngày 03 tháng 09 năm 2015, lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Trụ sở chính: Số 347 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Vốn điều lệ: 152.200.000.000 VND (Một trăm năm mươi hai tỷ, hai trăm triệu đồng)

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, đầu tư cho thuê mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc.

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.

Chi tiết: khai thác titan

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

- Chuẩn bị mặt bằng

Chi tiết: đào đắp, san ủi mặt bằng

- Xây dựng nhà các loại

Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: chế biến sâu các sản phẩm từ quặng titan

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

- Bán mô tô, xe máy

- Đại lý du lịch

Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Chi tiết: dịch vụ ăn uống, giải khát

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)

Chi tiết: sản xuất, gia công hàng dệt may

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

Công ty Cổ phần An Trường An

Số 347 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2017

Chi tiết: mua bán các mặt hàng công nghiệp tiêu dùng, các mặt hàng thực phẩm công nghệ, hàng mỹ phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.

- Cơ sở lưu trú khác

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

Chi tiết: tổ chức sự kiện, hội nghị, tiệc cưới.

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Chi tiết: bán buôn sắt, thép và kim loại khác

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Công ty Cổ phần An Trường An

Số 347 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2017

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do Công ty tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 30/06/2017, không có hàng tồn kho nào cần trích dự phòng giảm giá.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo. Nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành;
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có);

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	96.556.230	93.630.573
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.109.858	9.451.874
Cộng	<u>107.666.088</u>	<u>103.082.447</u>

2 Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Dự phòng</u>	<u>Số đầu năm</u>		<u>Dự phòng</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>		<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	
Cổ phiếu	<u>1.924.093.698</u>			<u>1.924.093.698</u>		
Công ty Cổ phần Đầu tư TPP Việt Nam (*)	1.924.093.698			1.924.093.698		
Cộng	<u>1.924.093.698</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.924.093.698</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Khoản đầu tư 190.000 cổ phiếu (tương đương 8% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Đầu tư TPP Việt Nam

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>23.815.205.500</u>	<u>24.074.817.773</u>
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	23.815.205.500	24.074.817.773
Phải thu các khách hàng khác	<u>42.115.070.376</u>	<u>-</u>
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Gia Lộc	31.969.640.000	
Công ty cổ phần Alpha M.A.I Việt Nam	10.145.430.376	
Cộng	<u>65.930.275.876</u>	<u>24.074.817.773</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	<u>-</u>	<u>18.000.000.000</u>
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân		18.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	<u>15.568.000.000</u>	<u>15.128.000.000</u>
Công ty TNHH Nguyên Khang	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn TK và ĐT XD Lam Sơn	128.000.000	128.000.000
Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng MT Hoa Lư	240.000.000	
Công ty CP tư vấn quy hoạch XD và hạ tầng đô thị Hoàng An	200.000.000	
Cộng	<u>15.568.000.000</u>	<u>33.128.000.000</u>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	18.259.612.273			
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	18.259.612.273			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	85.058.405.407		102.358.405.407	
Tạm ứng	84.727.665.407		102.027.665.407	
+ Nguyễn Thị Loan (*)	50.160.899.907		67.460.899.907	
+ Trương Thanh Sương (**)	34.566.765.500		34.566.765.500	
Phải thu ký quỹ phục hồi môi trường	330.740.000		330.740.000	
Cộng	103.318.017.680		102.358.405.407	

(*) Là khoản tạm ứng để thực hiện dự án Thủy Sơn Trang (Điểm du lịch số 04, tuyến du lịch Quy Nhơn, Sông Cầu). Đây là dự án đã được chấp thuận chủ trương theo công văn số 487/UBND-TH ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh Bình Định về việc giới thiệu địa điểm cho phép Công ty Cổ phần An Trường An tiến hành các thủ tục đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng; Ngày 30/6/2014 đã có Quyết định 2228/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Hiện tại, Công ty đã bồi thường khoảng 93% diện tích dự án

(**) Là khoản tạm ứng để thực hiện dự án đầu tư kết hợp khai thác titan tại KCN Sơn Mỹ I thuộc xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận

6. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	0	0	7.372.116.060	0
Cộng	0	0	7.372.116.060	0

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.526.870	21.282.627
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	526.066.875	701.422.500
Cộng	543.593.745	722.705.127

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.971.000.000	1.034.171.397	4.005.171.397
Số cuối kỳ	2.971.000.000	1.034.171.397	4.005.171.397
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.277.268.991	794.336.473	2.071.605.464
Khấu hao trong kỳ	66.784.417	52.270.111	119.054.528
Số cuối kỳ	1.344.053.408	846.606.584	2.190.659.992
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.693.731.009	239.834.924	1.933.565.933
Số cuối kỳ	1.626.946.592	187.564.813	1.814.511.405

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối quý
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Thủy Sơn Trang (*)	35.249.271.012	388.498.203		35.637.769.215
Cộng	35.249.271.012	388.498.203		35.637.769.215

(*) Theo biên bản xác nhận đền bù giữa Công ty và Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Quy Nhơn ngày 10/09/2015, tổng diện tích đất đã đền bù bàn giao mặt bằng là 65.450m², chiếm tỷ lệ 93,049%. Theo biên bản làm việc với Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Quy Nhơn ngày 14 tháng 7 năm 2017, Trung tâm và UBND phường Ghềnh Ráng tiếp tục vận động các hộ còn lại nhận tiền bồi thường và di dời.

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	44.833.264.101	44.833.264.101	19.313.670.764	19.313.670.764
DNTN cơ khí Quốc Mạnh			37.755.300	37.755.300
Công ty TNHH Tường Thọ	34.628.298.000	34.628.298.000	18.025.000.000	18.025.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Công nghiệp Ánh Dương			1.250.915.464	1.250.915.464
Công ty TNHH đầu tư và phát triển TM On Home VN	10.094.966.101	10.094.966.101		
Đối tượng khác	110.000.000	110.000.000		
Cộng	44.833.264.101	44.833.264.101	19.313.670.764	19.313.670.764

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.100.000.000</i>	<i>12.275.272.163</i>
Công ty cổ phần khoáng sản Đô Thành	1.100.000.000	3.600.000.000
Công ty cổ phần khoáng sản An Khánh		690.399.300
Công ty cổ phần TM và tư vấn Tân Cơ		7.984.872.863
Cộng	<u>1.100.000.000</u>	<u>12.275.272.163</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>			<u>Số cuối kỳ</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.451.093.364	58.617.368		(23.601.116)	3.486.109.616
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.475.482.686	171.118.263	(80.730.549)		1.565.870.400
Thuế tài nguyên	81.524.789		(81.524.789)		
Các loại thuế khác	21.140.636		(21.140.636)		
Cộng	<u>5.029.241.475</u>	<u>229.735.631</u>	<u>(183.395.974)</u>	<u>(23.601.116)</u>	<u>5.051.980.016</u>

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.572.445.353</i>	<i>1.860.608.015</i>
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	254.000.000	254.000.000
Lãi vay phải trả Ngân Hàng TMCP SHB - CN Hà Đông	2.216.445.353	1.606.608.015
Phải trả khác	102.000.000	
Cộng	<u>2.572.445.353</u>	<u>1.860.608.015</u>

Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các bên liên quan</i>		
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.216.445.353</i>	<i>1.606.608.015</i>
Lãi vay phải trả Ngân Hàng TMCP SHB - CN Hà Đông	2.216.445.353	1.606.608.015
Cộng	<u>2.216.445.353</u>	<u>1.606.608.015</u>

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

14a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối quý		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.630.740.000	6.630.740.000	3.330.740.000	1.000.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
Ngân Hàng TMCP SHB - CN Hà Đông (*)	4.300.000.000	4.300.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
Ông Nguyễn Văn Trọng	2.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000			
Ông Vương Văn Phong	330.740.000	330.740.000	330.740.000			
Bà Phan Thị Cẩm Tú	6.630.740.000	6.630.740.000	3.330.740.000		4.300.000.000	4.300.000.000
Cộng						

14b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối quý		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.000.000.000	6.000.000.000			6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân Hàng TMCP SHB - CN Hà Đông (**)	6.000.000.000	6.000.000.000			6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng						

14c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.300.000.000	2.216.445.353	4.300.000.000	1.606.608.015
Ngân Hàng TMCP SHB - CN Hà Đông	4.300.000.000	2.216.445.353	4.300.000.000	1.606.608.015
Cộng	4.300.000.000	2.216.445.353	4.300.000.000	1.606.608.015

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

(Handwritten signature and stamp)

(*) Theo hợp đồng tín dụng số 272/2014/HĐTDNH-PN/SHB.112000 ngày 02/12/2014, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án xây dựng điểm du lịch số 4 tuyến Quy Nhơn – Sông Cầu, quyền sử dụng nhà ở và đất của bên thứ ba

(**) Theo hợp đồng tín dụng số 271/2014/HĐTDNH-PN/SHB.112000 ngày 02/12/2014, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích vay: thanh toán tiền đền bù giải phóng mặt bằng dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí, điểm du lịch số 4 tuyến Quy Nhơn – Sông Cầu. Đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án xây dựng điểm du lịch số 4 tuyến Quy Nhơn – Sông Cầu, quyền sử dụng nhà ở và đất của bên thứ ba

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước (01/01/2016)	152.200.000.000		5.524.093.704	157.724.093.704
Lợi nhuận trong kỳ trước			4.923.651.241	4.923.651.241
Số dư cuối kỳ trước (30/06/2016)	152.200.000.000		10.447.744.945	162.647.744.945
Số dư đầu năm nay (01/01/2017)	152.200.000.000		5.887.265.040	158.087.265.040
Lợi nhuận trong kỳ này			684.473.052	684.473.052
Trích quỹ từ lợi nhuận		5.670.872.657	(5.670.872.657)	
Chi thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận			(102.000.000)	(102.000.000)
Số dư cuối kỳ này (30/06/2017)	152.200.000.000	5.670.872.657	798.865.435	158.669.738.092

Công ty thực hiện trích lập quỹ Đầu tư phát triển và chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 2206/2017/NQ/ĐHĐCĐ-ATG ngày 22 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần An Trường An

Số 347 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2017**15b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	15.220.000	15.220.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.220.000	15.220.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.220.000	15.220.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.220.000	15.220.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

CÔNG TY
QUY NHƠN
VA
N
DI

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	48.451.733.853	
Doanh thu cung cấp dịch vụ		8.479.454.545
Cộng	48.451.733.853	8.479.454.545

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân		8.384.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	46.642.463.602	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		645.102.067
Cộng	46.642.463.602	645.102.067

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	23.184	308.226
Cộng	23.184	308.226

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	221.339.135	1.430.987.283
Chi phí tài chính khác		66.000
Cộng	221.339.135	1.431.053.283

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	272.461.539	177.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.054.528	72.043.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.336.652	
Chi phí khác	179.111.382	
Cộng	755.964.101	249.043.370

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	23.601.116	
Cộng	23.601.116	

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	855.591.315	6.154.564.051
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	855.591.315	6.154.564.051
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	855.591.315	6.154.564.051
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	171.118.263	1.230.912.810

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	684.473.052	4.923.651.241
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	684.473.052	4.923.651.241
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/kỳ	15.220.000	15.220.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	45	323

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	272.461.539	366.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.054.528	528.145.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.336.652	
Chi phí khác	179.111.382	
Cộng	755.964.101	894.145.437

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

1a. Các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	Ông Đào Minh Tùng (thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Trường An) là đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân

1b. Các giao dịch trong kỳ với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>	
		<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	139.000.000	147.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	Mua tài sản		16.363.636.364
	Cung cấp dịch vụ		8.384.000.000

1c. Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Khoản mục</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	Phải thu khách hàng ngắn hạn	23.815.205.500	24.074.817.773
	Trả trước cho người bán ngắn hạn		18.000.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	18.259.612.273	

2. Công cụ tài chính**2.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.666.088	107.666.088
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.924.093.698	1.924.093.698
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	65.930.275.876	65.930.275.876
Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.568.000.000	15.568.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	103.318.017.680	103.318.017.680

2.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Số dư ngày 30/06/2017
Phải trả người bán ngắn hạn	44.833.264.101
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.100.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	2.572.445.353
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.630.740.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.000.000.000

2.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Công ty Cổ phần An Trường An

Số 347 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2017

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	44.833.264.101	-	44.833.264.101
Người mua trả trước	1.100.000.000	-	1.100.000.000
Phải trả khác	2.572.445.353	-	2.572.445.353
Vay và nợ thuê tài chính	6.630.740.000	6.000.000.000	12.630.740.000

3. Thông tin so sánh

- Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

- Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu



Phan Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng



Phan Thị Cẩm Tú

Tổng Giám đốc



Trương Đình Xuân



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.)